

Bản án số: 392/2018/HS-PT
Ngày: 13/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm.

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Văn Lệ.

2. Ông Đặng Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/9/2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 324/2018/TLPT-HS ngày 24/7/2018, đối với các bị cáo: Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Phạm Văn T, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Lò Văn H**; sinh ngày: 28/12/1989, tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Làng M, xã N, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Công trình Công ty VNMCC, tổ M, khu phố M, phường LT, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh (bị cáo xác định hiện nay không còn tạm trú tại địa chỉ này mà chuyển về ở tại nơi thường trú); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Sơn D (chết) và bà Trịnh Thị O; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; nhân thân: Ngày 14/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/5/2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Mai Thanh G**; sinh ngày: 16/5/1984, tại tỉnh Tây Ninh; thường trú: HKTT: Khu phố BH, phường HN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: đường M, khu phố B, phường LT, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Đỗ Thị P; hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Phạm Văn T**; sinh ngày: 01/01/1968, tại TP.Hồ Chí Minh; thường trú: khu phố L, phường LB, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh; tạm trú: tổ M, khu phố S, phường LT, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Ngô Thị B (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Hữu Thị N, Bùi Thanh P, Lê Văn N, do các bị cáo không kháng cáo và không có kháng nghị liên quan đến các bị cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 12/02/2018, Hữu Thị N gọi điện thoại rủ Bùi Thanh P đến nhà ở đường L, khu phố M, phường LT, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh để đánh bài cào ăn tiền, Bùi Thanh P đồng ý. Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, Lò Văn H, Bùi Thanh P, Lê Văn N đến gặp Hữu Thị N và Phạm Văn T. Sau đó, Hữu Thị N, Lò Văn H, Phạm Văn T, Bùi Thanh P, Lê Văn N đánh bài cào ăn tiền. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Mai Thanh G đến tìm Hữu Thị N thấy có đánh bài ăn tiền nên cũng tham gia.

Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Công an Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh kiểm tra, phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang thu giữ 03 bộ bài tây 52 lá và tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.930.000 đồng. Trong đó, thu tiền trên chiếu bạc 1.630.000 đồng, thu của Lò Văn H 2.000.000 đồng tiền dùng để đánh bạc, thu của Phạm Văn T 1.700.000 đồng dùng để đánh bạc, thu của Nguyễn Thị Mai Thanh G 1.900.000 đồng dùng để đánh bạc, thu của Bùi Thanh P 700.000 đồng dùng để đánh bạc, thu của Hữu Thị N 510.000 đồng dùng để đánh bạc.

Hữu Thị N mang theo 550.000 đồng dùng để đánh bạc, thua 40.000 đồng; Lò Văn H mang theo 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc, thua 100.000 đồng; Phạm Văn T mang theo 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc; Nguyễn Thị Mai Thanh G mang theo 1.950.000 đồng dùng để đánh bạc; Bùi Thanh P mang theo 900.000 đồng dùng để đánh bạc, thắng 70.000 đồng; Lê Văn N mang theo 180.000 đồng dùng để đánh bạc, thua 180.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Hữu Thị N, Lò Văn H, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Bùi Thanh P, Lê Văn N phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Hữu Thị N: 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt:

3.1. Bị cáo Lò Văn H 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù. Lò Văn H bị tạm giam từ ngày 12/02/2018 đến ngày 20/6/2018, đã chấp hành xong hình phạt. Tuyên bố, trả tự do Lò Văn H ngay tại phiên tòa nếu Lò Văn H không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3.2. Bị cáo Nguyễn Thị Mai Thanh G 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù. Nguyễn Thị Mai Thanh G bị tạm giam từ ngày 12/02/2018 đến ngày 20/6/2018, đã chấp hành xong hình phạt. Tuyên bố, trả tự do Nguyễn Thị Mai Thanh G ngay tại phiên tòa nếu Nguyễn Thị Mai Thanh G không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3.3. Bị cáo Bùi Thanh P 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù. Bùi Thanh P bị tạm giam từ ngày 12/02/2018 đến ngày 20/6/2018, đã chấp hành xong hình phạt. Tuyên bố, trả tự do Bùi Thanh P ngay tại phiên tòa nếu Bùi Thanh P không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3.4. Bị cáo Lê Văn N 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù. Lê Văn N bị tạm giam từ ngày 12/02/2018 đến ngày 20/6/2018, đã chấp hành xong hình phạt. Tuyên bố, trả tự do Lê Văn N ngay tại phiên tòa nếu Lê Văn N không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010; các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường LB, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Phạm Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh có kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2018/HSST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh theo hướng: Bản án sơ thẩm xác định tư cách người tham gia tố tụng của các bị cáo là người bị buộc tội là không đúng nên đề nghị xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; trong bản án sơ thẩm ghi nhận không đúng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc; tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G và giảm

hình phạt tù cho bị cáo Phạm Văn T nhưng không cho bị cáo Phạm Văn T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Phạm Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa kết luận về vụ án như sau: Về mức án là tương xứng với hành vi của các bị cáo Lò Văn H và Nguyễn Thị Mai Thanh G; đối với bị cáo Phạm Văn T cần giảm mức hình phạt cho bị cáo và vẫn cho bị cáo hưởng án treo. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức về các vấn đề: Sửa bản án sơ thẩm cho chính xác tư cách người tham gia tố tụng của các bị cáo trong vụ án theo đúng quy định pháp luật; xác định lại số tiền mang theo đánh bạc của các bị cáo Lò Văn H là 2.400.000 đồng và bị cáo Phạm Văn T là 2.000.000 đồng; giữ nguyên mức hình phạt 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù như bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G, về tội “Đánh bạc”; giảm mức hình phạt cho bị cáo Phạm Văn T và đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm, về tội “Đánh bạc”.

Các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Phạm Văn T không có ý kiến bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, về xác định tư cách tham gia tố tụng Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo đang bị truy tố xét xử trong vụ án với tư cách là người bị buộc tội là chưa đúng với quy định tại Điều 55 và Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự. Vấn đề này, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và tuân thủ hướng dẫn Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán vì Nghị quyết này vẫn đang có hiệu lực thi hành. Đồng thời, tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 323, 324), bị cáo Phạm Văn T khai mang theo số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Lò Văn H khai mang theo số tiền 2.400.000 đồng để đánh bạc, do đó phần nội dung của bản án sơ thẩm xác định số tiền của Phạm Văn T, Lò Văn H đem theo đánh bạc là chưa chính xác nên chấp nhận các yêu cầu kháng nghị liên quan đến vấn đề này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức để xác định lại tư cách tham gia tố tụng và số tiền mang theo để đánh bạc của Lò Văn H và Phạm Văn T.

[2] Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 12/02/2018, tại quán cà phê nhà không số đường L, khu phố M, phường LT, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh, Công an quận Thủ Đức kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Hữu Thị N, Lò Văn H, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Bùi Thanh P, Lê Văn N có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh cào thắng thua bằng tiền. Khi bắt quả tang thu giữ được số tiền trên chiếu bạc và trong người các con bạc được xác định dùng vào việc đánh bạc với tổng cộng số tiền là 7.930.000 đồng (bảy triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) gồm: Lò Văn H với số tiền 2.400.000 đồng; Phạm Văn T với số tiền 2.000.000 đồng; Bùi Thanh P với số tiền 900.000 đồng; Nguyễn Thị Mai Thanh G với số tiền 1.900.000 đồng; Hữu Thị N với số tiền 550.000 đồng; Lê Văn N với số tiền 180.000 đồng.

Với hành vi đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Phạm Văn T phạm tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh đối với yêu cầu tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo Lò Văn H, bị cáo Nguyễn Thị Mai Thanh G và giảm mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T nhưng không cho được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các bị cáo phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.930.000 đồng và số tiền của từng bị cáo dùng vào việc đánh bạc, cụ thể: bị cáo Phạm Văn T 2.000.000, bị cáo Nguyễn Thị Mai Thanh G 1.900.000 đồng, bị cáo Lò Văn H 2.400.000 đồng. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết: các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xem xét các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G đang bị tạm giam để xử phạt các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G với mức hình phạt 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân Thành phố tại phiên tòa là giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo như bản án sơ thẩm; đồng thời xét bị cáo Phạm Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định và có nghề nghiệp, bị cáo Phạm Văn T không phạm tội mới trong thời gian tại ngoại chờ xét xử và cũng không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo Nghị quyết hướng dẫn về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên việc cho bị cáo Phạm Văn T được hưởng án treo là có căn cứ. Tuy nhiên, hành vi của Phạm Văn T cũng như các bị cáo khác nhưng cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T lại tuyên bị cáo với mức hình phạt 01 (một) năm tù là cao hơn các bị cáo khác là chưa đúng vì các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm chung với tổng số tiền đánh bạc, nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Phạm Văn T cũng như các bị cáo khác nên mức hình phạt của bị cáo Phạm Văn T cũng tương đương với các bị cáo khác trong cùng vụ án. Sau khi quyết định mức phạt tù mới xem xét có cần phải bắt chấp hành hình phạt tù hay không để từ đó áp

dụng các chế định tương ứng của Bộ luật hình sự. Do vậy, đối với phần này, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, sửa giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo Phạm Văn T nhưng xét thấy bị cáo vẫn có đầy đủ các điều kiện để được hưởng án treo nên tiếp tục xem xét cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, do giảm nhẹ hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn T nên xem xét giảm thời gian thử thách án treo đối với bị cáo. Tuy nhiên, đối với việc tuyên cho bị cáo hưởng án treo Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm là tuyên đầy đủ nghĩa vụ của bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng nghị đối với việc yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn T nhưng không chấp nhận kháng nghị đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo.

Tuyên bố các bị cáo **Lò Văn H, Nguyễn Thị Mai Thanh G, Phạm Văn T** phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lò Văn H: 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2018 đến ngày 20/6/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai Thanh G: 04 (bốn) tháng 08 (tám) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2018 đến ngày 20/6/2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường LB, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trong trường hợp

Phạm Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM (1)
- TAND quận Thủ Đức; (1)
- VKSND quận Thủ Đức; (1)
- Chi Cục THA quận Thủ Đức; (1)
- Công an quận Thủ Đức; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (30) (12)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thanh Lâm